

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 189/2026/HS-PT

Ngày 21/4/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thu Hường**

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Thu Hồng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hà Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2026 đối với các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T do có kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 282/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Văn Đ, sinh ngày 01/01/1958, tại Hà Nội; Số CCCD: 001058001853; Nơi cư trú: Thôn D, xã S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn P; Con bà: Đỗ Thị V1; Vợ: Nguyễn Thị Y; Có 01 con sinh năm 1992; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án sơ thẩm số 185/2025/HS-ST ngày 23/6/2025, Tòa án nhân dân quận Đống Đa xử phạt 28 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng (bị cáo kháng cáo nên bản án chưa có hiệu lực pháp luật); Ngày 13/9/2021, Công an quận B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích lực lượng chức năng; Bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2024, tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố H (đã chết ngày 01/4/2026).

2. Bùi Kim V, sinh ngày 06/5/1960, tại Hà Nội; Số CCCD: 001060031889; Nơi cư trú: Tổ B, phường P, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường V, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn:

10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Kim C1; Con bà: Nguyễn Thị T1; Vợ: Dương Thị N; Có 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004); Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/4/2005, Công an phường T, quận L, thành phố Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đỗ Văn C, sinh ngày 15/8/1954, tại Hà Nội; Số CCCD: 001054009406; Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn S; Con bà: Nguyễn Thị S1; Vợ: Nguyễn Thị B; Con: Có 03 con (con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1994); Tiền án: không; Tiền sự: Không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đình T, sinh ngày 10/10/1954, tại Hà Nội; Số CCCD: 001054021498; Nơi cư trú: Số A phố N, phường B, quận L, thành phố Hà Nội (nay là phường B, thành phố Hà Nội); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Đình T2; Con bà: Trần Thị G; Vợ: Phạm Thị C2; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1983); Tiền án: không; Tiền sự: Không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:* Trần Thị Xuân H, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Quốc K.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T:* Bà Phan Thị Thu T3 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm T7 (có mặt)

Địa chỉ: Số B Q, phường H, thành phố Hà Nội

- *Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn C:* Ông Đỗ Ngọc B1 - Luật sư, Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà D, C K, phường N, thành phố Hà Nội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mối quan hệ xã hội, bà Lê Thị Bích L quen biết với Nguyễn Thị Kim X. Ngày 17/02/2024, X giới thiệu bà L gặp Trần Thị Xuân H để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 72%/năm. Để đảm bảo cho việc thu hồi nợ, H yêu cầu bà L viết giấy nhận tiền

đặt cọc bán ngôi nhà bà L đang ở (có địa chỉ nêu trên) với số tiền 3.000.000.000 đồng, có sự chứng kiến của Nguyễn Thị Kim X và Nguyễn Thị D. Bà L đồng ý. Ngày 27/02/2024, bà L vay thêm H số tiền 180.000.000 đồng với lãi suất như trên. Sau khi vay tiền bà L không trả tiền gốc mà chỉ trả được khoảng 400.000.000 đồng tiền lãi. Do đó vào các ngày 26, 30/3/2024, H và X đến nhà bà L đòi nợ nhưng bà L chưa có tiền trả và xin khất nên H, X đi về. Sáng 01/4/2024, H nhờ D, X và Nguyễn Quốc K đến nhà bà L. Khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, H, D, K cùng nhau đi đến nhà bà L, khoảng 15 phút sau X đến. H, D, K, X cùng lên tầng 7, ngồi tại phòng khách nhà bà L. Bà L và ông Phan Trọng T4 (chồng bà L) ở nhà. Các đối tượng yêu cầu bà L trả số tiền 3.000.000.000 đồng mà bà L đã vay H trước đó, bà L không có tiền trả thì các đối tượng lớn tiếng chửi bới, đe dọa, uy hiếp tinh thần yêu cầu bà L phải trả tiền. Duyên đe dọa “nếu bà L không trả tiền, đi ra đường D bắt gặp sẽ chặt chân”, K dơ điều cày lên đe dọa đánh ông T4 (nhưng K không đánh), K đe dọa bà L “bà nợ chị tôi bà phải tiền cho chị tôi, tôi là thương binh có bệnh án tâm thần, động kinh, nếu không trả tiền cho chị tôi, tôi bị động kinh nằm ra đây bà phải chịu trách nhiệm”, H chửi bà L “Đ.con mẹ mày đồ lừa đảo, đồng tiền là xương máu, nếu không trả thì H cho mọi người ở lại trong nhà không về”. Bà L không có tiền trả, xin khất nhưng các đối tượng không nhất trí và có lời qua tiếng lại, tiếp tục chửi bới đe dọa bà L. K đề nghị H gọi các đối tượng “thương binh” đến nhà bà L gây áp lực về tâm lý để bà L trả nợ, H đồng ý nhưng do H không quen biết ai là thương binh nên H nhờ K gọi cho “thương binh” đến. K đã gọi điện thoại cho Đỗ Văn Đ (là thương binh có tỷ lệ thương tật hạng 2/4 - 61%) và nhờ Đ đưa 05 đối tượng “thương binh” mang theo quần áo ở lại nhà bà L đòi nợ. Đường đồng ý. Đường gọi cho Bùi Kim V (là thương binh có tỷ lệ thương tật hạng 2/4 - 61%), Đỗ Văn C (là thương binh có tỷ lệ thương tật 4/4 - 35%), Nguyễn Đình T (là thương binh có tỷ lệ thương tật hạng 4/4 - 31%) và Nguyễn Quang T5 (làm nghề chở hàng bằng xe ba gác) đến nhà bà L, nghe vậy bà L sợ nên đi ra ngoài vay tiền để trả cho H. Khoảng 11 giờ 15 phút cùng ngày, Đ, V, C và T đến trước cửa nhà bà L, Đ gọi điện thoại cho H đón vào nhà và đưa lên tầng 7 gặp ông T4 (lúc này bà L chưa về). Đường yêu cầu ông T4 trả nợ cho H nhưng ông T4 không có tiền trả thì Đ chửi bới, đe dọa ông T4 “Nếu không trả số tiền 3.000.000.000 đồng cho H thì Đ sẽ cho các đối tượng “thương binh” Vượng, C, T ăn ở trong nhà bà L, lúc nào bà L trả tiền thì các đối tượng mới đi về”. Đồng thời lúc này H viết giấy ủy quyền cho Đ, K, V, C, T và T5 ở lại nhà bà L để đòi nợ. Khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, nhóm của H gồm 08 người) từ tầng 7 đi xuống tầng 1 thì gặp bà L đi về. Nhóm của H tiếp tục yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L chưa vay được tiền nên không có tiền trả cho H. Do đó, nhóm của H ở lại tầng 1 nhà bà L. H đi mua cơm, rượu và nước để các đối

tượng ngồi ăn uống nhằm mục đích gây áp lực về tinh thần để bà L trả nợ, X mang giấy ủy quyền đòi nợ đi pho to giao cho Đ 01 bản. Lúc này Nguyễn Quang T5 đi đến nhà bà L thấy mọi người đang ngồi ăn cơm, T5 được Đ mời vào ngồi ăn cơm cùng với các đối tượng. Vợ chồng bà L thấy có đông đối tượng tụ tập tại nhà, chửi bới đe dọa nên rất hoang mang, lo lắng và sợ hãi nên bà L đã đến Cơ quan Công an tố giác hành vi phạm tội của các đối tượng như nội dung nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị Xuân H, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Quốc K, Đỗ Văn Đ, Đỗ Văn C, Bùi Kim V, Nguyễn Đình T khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra quận Đ đã thu giữ các đồ vật, tài sản sau:

1. Thu giữ của Nguyễn Thị Kim X:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29B2-243.59, số máy: JK03E7681888; số khung: RLHJK 0326NZ061934;

- 01 điện thoại Iphone 12 promax màu xanh đen, số I: 35 9237636670437.

2. Thu giữ của Trần Thị Xuân H:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29BA- 000.06, số máy: JK03E6282247, số khung: RLHJK 0349PZ470661;

- 01 điện thoại kiểu dáng Iphone màu đen, số I: 35 726609 255337 5;

- 01 giấy vay tiền có nội dung: “Lê Thị Bích L vay của Trần Thị Xuân H 180.000.000 đồng, hẹn trong năm ngày từ ngày 27/2/2024 đến ngày 2/3/2024 sẽ hoàn trả số tiền trên”;

- 01 giấy đặt cọc bán nhà đề ngày 17/2/2024, nội dung: “Chị Lê Thị Bích L nhận 3.000.000.000 đồng của Trần Thị Xuân H để đặt cọc mua nhà của chị L tại địa chỉ số G, ngõ A, phố T, phường T, quận Đ, Hà Nội”;

- 01 Giấy ủy quyền đề ngày 01/4/2024 có nội dung: Trần Thị Xuân H ủy quyền cho anh họ là Đỗ Văn Đ để đòi chị L 3.000.000.000 đồng.

3. Thu giữ của Đỗ Văn Đ: 01 xe ba gác, không đeo biển kiểm soát, không có số khung số máy; 01 điện thoại kiểu dáng Iphone màu trắng hồng, số Imei: 35 334107 4748642.

4. Thu giữ của Phan Trọng M: 02 thẻ nhớ (gồm 08 file video).

Tại bản Kết luận giám định số 7765/KLGĐ ngày 04/11/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H, kết luận:

“ 1. Chữ viết phần nội dung, chữ ký, chữ viết dòng họ tên Lê Thị Bích L dưới chữ ký trên Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà đề ngày 17/2/2024, Giấy vay tiền đề ngày 27/2/2024 với chữ viết, chữ ký đứng tên Lê Thị Bích L trên các bản tường trình, biên bản ghi lời khai do bà L viết tại Cơ quan điều tra là chữ do cùng một người ký và viết ra”.

“ 2. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Trần Xuân H dưới chữ ký trên Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà đề ngày 17/2/2024, Giấy ủy quyền đòi nợ đề ngày 01/4/2024 với chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị Xuân H trên các bản tường trình, biên bản ghi lời khai do H viết tại Cơ quan điều tra là chữ do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị Kim X dưới mục người làm chứng trên Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà đề ngày 17/2/2024; Giấy vay tiền đề ngày 27/02/2024 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Kim X trên bản tường trình, biên bản ghi lời khai do X viết tại Cơ quan điều tra là chữ do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Thị D dưới mục người làm chứng trên Giấy nhận tiền đặt cọc bán nhà đề ngày 17/2/2024 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị D trên bản tường trình, biên bản ghi lời khai do D viết tại Cơ quan điều tra là chữ do cùng một người ký và viết ra.

5. Chữ viết dòng họ tên Đỗ Văn Đ dưới mục người được ủy trên Giấy ủy quyền đòi nợ đề ngày 01/4/2024 với chữ viết đứng tên Đỗ Xuân Đ1 trên bản tường trình, biên bản ghi lời khai do Đ1 viết tại Cơ quan điều tra là chữ do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Văn Đ trên mẫu căn giám định với chữ ký đứng tên Đỗ Văn Đ có phải là chữ do cùng một người ký ra hay không.”.

Tại bản Kết luận giám định số 8206/KLGD ngày 26/11/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H, kết luận:

“ 1. Xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29B2 - 243.59, số khung: RLHJK 0326NZ061934, số máy: JK03E7681888 là số nguyên thủy. Qua tra cứu không có trong dữ liệu xe vật chứng.

2. Xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 29B2 - 243.59, số khung: RLHJK 0349PZ470661 và số máy: JK03E6282247 là nguyên thủy ”. Qua tra cứu không có trong dữ liệu xe vật chứng.

Tại bản Kết luận giám định số 8742/KLGD ngày 23/12/2024 của Phòng K1 Công an thành phố H, kết luận:

“...Không tìm thấy dấu vết cắt gép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 08 file video Cơ quan điều tra gửi giám định”.

Ngoài hành vi Cường đoạt tài sản, Trần Thị Xuân H và Nguyễn Thị Kim X còn có hành vi đánh bạc, cụ thể như sau:

Qua mối quan hệ xã hội, Trần Thị Xuân H và Nguyễn Thị Kim X quen biết nhau, X biết H đánh bạc bằng hình thức bán số lô, số đề nên X đã sử dụng tài khoản zalo mang tên “Xuân 774” đăng ký bằng số điện thoại 0364980025 để nhắn tin mua số lô với H qua tài khoản zalo mang tên “Huyền T6” (đăng ký

bằng số điện thoại 0919916868). X và H thỏa thuận, mua số lô của H thì X viết các con số và số tiền đánh bạc bằng các con số cụ thể vào điện thoại rồi gửi tin nhắn cho H, H nhắn lại “ok” có nghĩa là H đồng ý. Sau khi có kết quả quay xổ số miền B thì X và H sẽ đối chiếu kết quả. Nếu thấy các con số X đã mua của Huyền trùng với 2 số cuối của các giải thưởng thì X đã trúng số lô. Giá trị 01 điểm lô = 22.000 đồng, X trúng lô thì H phải thanh toán cho X 80.000 đồng/1 điểm lô. Tiền đánh bạc H chưa thanh toán ngay cho X mà sau khi có kết quả xổ số miền B, nếu số lô X mua của H trúng thưởng thì H trừ số tiền gốc đã mua, số tiền còn lại H và X sẽ gặp nhau trực tiếp để thanh toán bằng tiền mặt. X nhắn tin đánh lô với H, H sẽ không chuyển bảng cho ai nếu X trúng lô thì H thanh toán cho X. Nếu X không trúng thì H được hưởng lợi. Cụ thể:

1. Ngày 07/03/2024, X mua 04 số lô: 36, 63, 27, 72 mỗi số 100 điểm (tổng là 400 điểm lô = 8.800.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền B, X đã trúng số lô 36×100 điểm = 5.800.000 đồng

Tổng số tiền X và H đánh bạc là 14.600.000 đồng. H thắng và thu lợi bất chính số tiền là 3.000.000 đồng.

2. Ngày 09/03/2024, X mua 04 số lô: 13, 31, 38, 83 mỗi số 75 điểm (tổng là 300 điểm lô = 6.600.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền B, X đã trúng thưởng số lô 13×75 điểm = 4.350.000 đồng:

Tổng số tiền X và H sử dụng đánh bạc là 10.950.000 đồng. H thắng và thu lợi bất chính số tiền là 2.250.000 đồng.

3. Ngày 10/03/2024, X mua 04 số lô: 03, 30, 89, 98 mỗi số 80 điểm (tổng là 320 điểm lô = 7.040.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền B, X đã trúng 2 số lô (03, 30) $\times 80$ điểm = 9.280.000 đồng

Tổng số tiền X và H sử dụng đánh bạc là 16.320.000 đồng. X thắng và thu lợi bất chính số tiền là 2.240.000 đồng.

4. Ngày 11/03/2024, X mua 04 số lô: 19, 91, 24, 42 mỗi số 75 điểm (tổng là 300 điểm lô = 6.600.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền B, X đã trúng số lô 19×75 điểm = 4.350.000 đồng.

Tổng số tiền X và H đánh bạc là 10.950.000 đồng. X thắng và thu lợi bất chính số tiền là 2.250.000 đồng.

5. Ngày 12/3/2024, X nhắn tin cho H mua 04 số lô: 24, 42, 69, 96 mỗi số 100 điểm (tổng là 400 điểm lô = 8.800.000 đồng). Sau khi có kết quả xổ số miền B, X không trúng thưởng.

Tổng số tiền X và H đánh bạc là 8.800.000 đồng. H thắng và thu lợi bất chính số tiền là 8.800.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền H và X đánh bạc trong 05 ngày là: 61.620.000 đồng. H thu lợi bất chính số tiền 14.060.000 đồng.

Đối với tài liệu liên quan đến sức khỏe tâm thần của bị can Nguyễn Quốc K, xác định: K bị tâm thần từ năm 1984, đã đi điều trị tại nhiều bệnh viện (Bệnh viện T8, Bệnh viện T9 các năm 2016, 2017, 2018; bị áp dụng biện pháp chữa bệnh bắt buộc tại V2). Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được đầy đủ tài liệu, xác định bị can Nguyễn Quốc K bị bệnh tâm thần F31.2 rối loạn cảm xúc lưỡng cực tại giai đoạn hưng cảm có loạn thần. Trong quá trình sinh hoạt hàng ngày, bị can K có những biểu hiện bất thường nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định sức khỏe tâm thần đối với Nguyễn Quốc K.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số 26/KLGD ngày 08/8/2025 của Phân viện Pháp y tâm thần bắc miền T thuộc V2 kết luận về sức khỏe tâm thần của Nguyễn Quốc K như sau:

“...Tại thời điểm ngay, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội Cường đoạt tài sản (ngày 01/4/2024) và tại thời điểm giám định, bị can Nguyễn Quốc K bị bệnh: Rối loạn cảm xúc lưỡng cực, hiện tại giai đoạn hưng cảm có các triệu chứng loạn thần; theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10) có mã bệnh là F31.2 (Bệnh ở giai đoạn thuyên giảm); bệnh kèm theo đái tháo đường tuýp II, tăng huyết áp (E11, 110).

- Tại các thời điểm đã nêu trên, bị cáo Nguyễn Quốc K đủ khả năng nhận thức, nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi”.

Đối với nguồn gốc số tiền 3.000.000.000 đồng bà L khai nợ Trần Thị Xuân H (trong đó 2.500.000.000 đồng là tiền bà L cùng H và X đánh bạc bằng hình thức “ôm lô đề” bị thua, 500.000.000 đồng là bà L vay tiền mặt của H). Tài liệu điều tra xác định, ngoài lời khai của bà L ra không có tài liệu nào khác xác định bà Lê Thị Bích L, Trần Thị Xuân H đã thực hiện hành vi đánh bạc. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Quang T5: T5 không biết Đ gọi T5 đến nhà bà L nhằm mục đích đòi nợ, T5 không chứng kiến việc H viết giấy ủy quyền cho các đối tượng ở lại nhà bà L, T5 không nhận được sự chỉ đạo của Đ và H (chủ nợ) về việc ở lại nhà bà L lúc nào đòi được nợ thì về. T5 đến nhà bà L gặp Đường được Đ mời vào ăn cơm thì T5 vào ăn. T5 không biết Đ và các đối tượng ngồi ăn tại nhà bà L là mục đích đòi nợ. Do vậy, không đủ căn cứ xác định Nguyễn Quang T5 đồng phạm về tội Cường đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với Nguyễn Quang T5 trong vụ án này.

Đối với hành vi Trần Thị Xuân H cho bà Lê Thị Bích L vay tiền với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 72%/năm, mức lãi suất này chưa vượt quá 5 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (chưa vượt quá 100 %/năm). Do đó Trần Thị Xuân H không cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý trong vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị Bích L là người bị hại chưa bị chiếm đoạt được tài sản gì nên bà L không yêu cầu giải quyết về về dân sự.

Bản cáo trạng số 642/CT-VKSHN-P2 ngày 26/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã truy tố các bị cáo Trần Thị Xuân H và Nguyễn Thị Kim X phạm tội Cường đoạt tài sản và tội Đánh bạc theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 170 và điểm b, c khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm số 282/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội đã quyết định.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Xuân H và Nguyễn Thị Kim X phạm tội Cường đoạt tài sản và tội Đánh bạc; các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Quốc K, Đỗ Văn Đ, Bùi Kim V, Đỗ Văn C và Nguyễn Đình T phạm tội Cường đoạt tài sản.

Căn cứ:

- Điểm a khoản 4 Điều 170, điểm s khoản 1 điều 51, điều 47, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo

- Khoản 1 Điều 321; điểm g khoản 1 điều 52, điều 55 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H và bị cáo X.

- Điểm q khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo K.

- Điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, bị cáo T, bị cáo C và bị cáo Đ.

- Điểm o, k, l khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T và bị cáo C.

- Khoản 1 điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ.

- Khoản 2 điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V, bị cáo T và bị cáo C.

- Điều 106, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt:

- Trần Thị Xuân Huyền 1 (**mười ba**) năm tù về tội “Cường đoạt tài sản và **18 (mười tám) tháng** tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **14 (mười bốn) năm 06 (sáu) tháng**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

- Nguyễn Thị Kim Xuân 11 (**mười hai**) năm tù về tội “Cường đoạt tài sản và **01 (một) năm** tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành là **13 (mười ba) năm**. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

- Nguyễn Quốc K **12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Cường đoạt tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2024.

- Nguyễn Thị Duyên **12 (mười hai) năm** tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

- Đỗ Văn Đ **07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2024.

- Bùi Kim V **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng** tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Đỗ Văn C **05 (năm) năm** tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Nguyễn Đình T **05 (năm) năm** tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/12/2025 bị cáo Đỗ Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 17/03/2026 bị cáo Đỗ Văn Đ có đơn xin rút kháng cáo. Ngày 23/12/2025 bị cáo Bùi Kim V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 22/12/2025 bị cáo Đỗ Văn C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 23/12/2025 bị cáo Nguyễn Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo V, C, T khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã xét xử, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa, sau khi xem xét kháng cáo của các bị cáo, đề nghị:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt của bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp với mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Trước khi xét xử, bị cáo Đ rút đơn kháng cáo nên áp dụng điều 348 BLTTHS đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đ; các bị cáo C, V, T nộp tổng số tiền 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với tất cả các bị cáo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 4 điều 170; điểm o, x, s khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 51; điều 54; điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị tuyên phạt các bị cáo V, C, T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản. Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật nên không xét.

Luật sư B1, chỉ T3 đề nghị áp dụng điểm o, x, s, b, h khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51 BLHS, đề nghị HĐXX xử phạt các bị cáo được hưởng án treo.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo đều là người có công với cách mạng và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của các bị cáo Đ, V, C, T đúng về chủ thể kháng cáo, nộp trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Theo lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận: Do bà Lê Thị Bích L nợ Trần Thị Xuân H số tiền 3.000.000.000 đồng chưa trả nên ngày 01/4/2024, Trần Thị Xuân H cùng Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị D, Nguyễn Quốc K đến nhà bà Lê Thị Bích L ở tại số nhà G - 9, ngách F, ngõ A, phố T, phường Đ, Hà Nội để đòi nợ số tiền trên. Khi đến nhà bà L, bà L không có tiền trả thì H, D, X và K chửi bới. Duyên đe dọa “nếu bà L không trả tiền, đi ra đường D bắt gặp sẽ chặt chân”, K đe dọa bà L “bà nợ chị tôi bà phải trả tiền cho chị tôi, tôi là thương binh có bệnh án tâm thần, động kinh, nếu không trả tiền cho chị tôi, tôi bị động kinh nằm ra đây bà phải chịu trách nhiệm”. Sau đó, H nhờ K gọi Đỗ Văn Đ, Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T (là thương binh) đến chặn xe ba gác trước cửa nhà, ăn ở tại nhà bà L để uy hiếp tinh thần bà L, liên tục tạo sức ép, gây áp lực để ép gia đình bà Lê Thị Bích L phải trả số tiền 3.000.000.000 đồng cho Trần Thị Xuân H.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đỗ Văn Đ, Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm a Khoản 4 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/03/2026 bị cáo Đỗ Văn Đ rút đơn kháng cáo nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đ.

Xét kháng cáo của các bị cáo Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo C, T chưa có tiền án, tiền sự và đều trên 70 tuổi; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu, chỉ đến nhà người bị hại ngồi trong nhà để gây sức ép cho bà L phải trả tiền cho H, phạm tội chưa đạt và chưa gây thiệt hại cho người bị hại; hoàn cảnh kinh tế khó khăn; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có nhiều huy chương trong kháng chiến; sức

khỏe yếu, các bị cáo đều là thương binh (Bùi Kim V là thương binh có tỷ lệ thương tật hạng 2/4 - 61%, bị cụt một chân, mắt trái 2/10; Đỗ Văn C là thương binh có tỷ lệ thương tật 4/4 - 35%; Nguyễn Đình T là thương binh có tỷ lệ thương tật hạng 4/4 - 31%); bị cáo T tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Con gái và cháu ngoại bị cáo T bị nhiễm chất độc hóa học, bị cáo phải nuôi con gái và cháu ngoại bị khuyết tật. Bị cáo T bị ung thư dạ dày. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đã bồi thường cho người bị hại 10.000.000 đồng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung, nên chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Do kháng cáo của các bị cáo V, C, T được chấp nhận nên các bị cáo phải không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí: Các bị cáo đều trên 60 tuổi nên không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là không đúng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Bùi Kim V, Đỗ Văn C, Nguyễn Đình T, sửa bản án sơ thẩm số 282/2025/HS-ST ngày 15/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2, thành phố Hà Nội.

[2]. Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 170, điểm s, x, b, h, o khoản 1 điều 51, điều 54, điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, C. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 170, điểm s, x, b, h khoản 1 điều 51, điều 54, điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo V. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đối với tất cả các bị cáo.

2.1. Xử phạt Bùi Kim V 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về UBND phường V, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2.2. Xử phạt Đỗ Văn C 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về UBND xã B, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2.3. Xử phạt Nguyễn Đình T 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về UBND phường B, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: các bị cáo V, C, T không phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Văn Đ. Bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- VKSND, TAND, Phòng THADS khu vực 2;
- Trại tạm giam số 1;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hường